

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2018
V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phụng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đinh Thị Phúc

- Bà Huỳnh Ngọc Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2018 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông Phan Thanh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bà D có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Thanh T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới 01 năm. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên quyết định chia tay. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2012

đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Thanh T.

- *Về con chung*: Bà và ông Phan Thanh T có 01 con chung tên là Phan Diễm M, sinh ngày 26/9/2008, hiện nay con chung đang sống với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con cho đến ngày con chung thành niên.

- *Về cấp Dưỡng*: Bà không yêu cầu ông T cấp Dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung; nợ chung*: Bà và ông T không có tài sản chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Bà và ông T không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng không đến, ông T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân – bà D, 01 bản sổ hộ khẩu gia đình (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản giấy khai sinh con chung (bản sao), 01 bản Bản tự khai của bà D.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông T và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông T được biết. Do ông T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích D, xử cho bà D và ông Phan Thanh T được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao con chung cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi Dưỡng cho đến ngày con chung thành niên; Về cấp Dưỡng: Bà D không yêu cầu nên không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc: Tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích D với bị đơn ông Phan Thanh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T hay bỏ nhà đi do ông T có người phụ nữ khác, bà với ông T cũng hay cãi vã, to tiếng với nhau nên cả hai quyết định sống ly thân. Nay, bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông T. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà D và ông T, kết quả xác minh cho thấy: Quá trình vợ chồng ông T, bà D chung sống với nhau tại địa phương thường xuyên cãi vã, đánh đập nhau, ban hòa giải thôn cũng đã nhiều lần đến hòa giải nhưng không được, hiện nay bà D đã có cuộc sống riêng, vợ chồng họ không còn chung sống với nhau nữa. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà D với ông T đã có sự mâu thuẫn trầm trọng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến, không quan T đến quan hệ hôn nhân với bà D nên quan hệ hôn nhân của bà D với ông T là không thể hàn gắn, bà D với ông T đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2012 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng không còn sự quan T chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- *Về con chung*: Bà D với ông T có 01 con chung tên Phan Diễm M, sinh ngày 26/9/2008. Hiện nay cháu đang sống với bà D. Bà D yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến ngày cháu thành niên. Xét thấy, hiện nay cháu Diễm M còn nhỏ, đang có cuộc sống ổn định với mẹ, đồng thời cháu Diễm M cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, còn ông T không thường xuyên ở nhà và không có ý kiến gì về con chung. Vì vậy, cần giao cháu M cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về cấp dưỡng*: Bà D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- *Về tài sản chung; nợ chung:* Bà D và ông T không có tài sản chung, bà D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Bà D và ông T không có nợ chung, bà D không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] *Về án phí:* Buộc bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích D, xử cho bà Nguyễn Thị Bích D với ông Phan Thanh T được ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Phan Diễm M, sinh ngày 26/9/2008 cho bà Nguyễn Thị Bích D trực tiếp chăm sóc, nuôi Dưỡng cho đến ngày con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Ông T không phải cấp Dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi Dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu mức cấp Dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Bích D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện ly hôn. Bà D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0007221 ngày 17/01/2018 được chuyển thu.

Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã N, huyện Đ;
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phụng Diễm